

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN PHÚC THỌ

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 69/2024/QĐST - HNGĐ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phúc Thọ, ngày 28 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Học.

2. Ông Lê Xuân Sơn.

Căn cứ vào các Điều 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

*Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hằng N**, sinh năm 1988,

*Bị đơn: Anh **Khuất Duy N**, sinh năm 1988,

Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã TML, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Khuất Duy N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Giao cháu Khuất Minh T, sinh ngày 04/6/2021 cho anh Khuất Duy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh N không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hằng N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Hằng N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Các bên đã thỏa thuận trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận như sau:

Giao anh Khuất Duy N được toàn quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Số loại: XPANDER biển kiểm soát 29E- 00654, số khung MK2LRNC1WLN015696, số máy 4A91JC3144 đăng ký lần đầu tháng 12/2020. Anh N có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Hằng N số tiền 225.000.000đ (Hai trăm, hai mươi lăm triệu đồng).

Về chi phí tố tụng định giá tài sản: Ghi nhận chị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, thẩm định, định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí: Chị N phải chịu 150.000đ án phí ly hôn và 5.625.000đ án phí dân sự. Đối trừ số tiền 15.300.000đ chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ số 0013205 ngày 04/7/2024 sang án phí. Trả lại chị N số tiền 9.525.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh N phải chịu 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND.TP.Hà Nội;
- VKSND.H.Phúc Thọ;
- Chi cục THADS H.Phúc Thọ;
- UBND xã nơi các đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phạm Thanh Hải